

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
XÍ NGHIỆP ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG**

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đấu giá bán cổ phần lần đầu Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá

**XÍ NGHIỆP
ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG**

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tp.HCM, tháng 05/2011

MỤC LỤC

I.	GIỚI THIỆU ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	4
1.	Cổ phần phát hành ra công chúng.....	4
2.	Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành.....	4
3.	Đối tượng phát hành.....	5
4.	Phương thức phát hành.....	5
5.	Tổ chức thực hiện đấu giá	6
6.	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	6
II.	CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN	6
III.	CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH	7
1.	Tổ chức phát hành.....	7
2.	Tổ chức thực hiện đấu giá	7
3.	Tổ chức tư vấn	7
IV.	CÁC KHÁI NIỆM	7
V.	CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	9
1.	Tên, địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa.....	9
2.	Ngành nghề kinh doanh.....	9
3.	Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.....	10
4.	Số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	10
5.	Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.....	11
6.	Tình hình tài sản của doanh nghiệp	13
7.	Danh sách công ty mẹ và công ty con.....	21
8.	Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trước khi cổ phần hóa	21
8.1.	Tình hình hoạt động kinh doanh	21
8.1.1.	Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.	21
8.1.2.	Nguyên vật liệu	23
8.1.3.	Chi phí sản xuất.....	23
8.1.4.	Trình độ công nghệ.....	24

Bản công bố thông tin

8.1.5.Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	24
8.1.6.Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ	24
8.1.7.Hoạt động Marketing	25
8.1.8.Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	25
8.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	25
8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí Nghiệp trong năm báo cáo.....	26
9. Vị thế của Chi nhánh so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	27
10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	28
10.1.Một số thông tin chủ yếu của kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	28
10.2.Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hóa	30
11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	32
12. Các nhân tố rủi ro.....	32
13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần	34
13.1.Phương thức bán	34
13.2.Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	36
14. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa.....	37
15. Những người chịu trách nhiệm chính đối với bản công bố thông tin	37
15.1.Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	37
15.2.Tổ chức phát hành.....	37
15.3.Tổ chức tư vấn	38
VI. THAY LỜI KẾT	38

TÓM TẮT THÔNG TIN

VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

XÍ NGHIỆP ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

I. GIỚI THIỆU ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN

1. Cổ phần phát hành ra công chúng

- ❖ Vốn điều lệ : **7.350.000.000** đồng.
- ❖ Tổng số lượng cổ phần : **735.000** cổ phần
- ❖ Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- ❖ Số lượng cổ phần bán đầu giá lần đầu : 181.800 cổ phần (tương đương 24,74% vốn điều lệ)
- ❖ Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- ❖ Giá khởi điểm : 10.000 đồng/cổ phần
- ❖ Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu : 100 cổ phần
- ❖ Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa : 181.800 cổ phần (tương đương 24,74% vốn điều lệ)

2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành

TT	Nội dung	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ	Số tiền (VND)
I	Vốn Điều lệ	735.000	100%	7.350.000.000
	Trong đó			
1	Vốn nhà nước	375.000	51,02%	3.750.000.000
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	28.200	3,83%	282.000.000

Bản công bố thông tin

TT	Nội dung	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ	Số tiền (VND)
3	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	150.000	20,41%	1.500.000.000
4	Cổ phần bán ra ngoài	181.800	24,74%	1.818.000.000

3. Đối tượng phát hành

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông, do Chi Nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam Tại Thành Phố Hồ Chí Minh ban hành được tham gia đăng ký và đấu giá cổ phần Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông.

4. Phương thức phát hành

- ❖ Cổ phần được phát hành theo hình thức đấu giá công khai tại Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông theo Quyết định số ĐG21/2011/VIS10-TVDN ngày 24/05/2011 về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông.
- ❖ Địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá: theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông.
- ❖ Thời gian tổ chức đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông.
- ❖ Cổ phần ưu đãi dành cho cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông được bán theo giá bằng 60% giá đấu thành công bình quân.

5. Tổ chức thực hiện đấu giá

- ❖ Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- ❖ Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
- ❖ Điện thoại : 08. 3915. 2930

Bản công bố thông tin

- ❖ Fax : 08. 3915. 2931/32
- ❖ Website : www.vise.com.vn

6. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- ❖ Đối với cổ phần bán ra ngoài theo phương thức đấu giá công khai: Phương thức và thời hạn thanh toán được quy định cụ thể trong “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông”.
- ❖ Thời gian nhận lại tiền đặt cọc theo kết quả đấu giá: Theo “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông”.
- ❖ Đối với cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông: Phương thức và thời hạn thanh toán do Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông quy định.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

- ❖ Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP, ngày 26 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ về chuyển công ty 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Thông tư 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề tài chính khi thực hiện chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính Phủ;
- ❖ Thông tư số 31/2008/TT-BQP ngày 17/03/2008 của Bộ Quốc Phòng về việc hướng dẫn chuyển DN 100% vốn Nhà nước trong Quân đội thành Công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP, ngày 20/08/2010 của Chính Phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

III. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức phát hành

- ❖ **Tên tổ chức : XÍ NGHIỆP ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG**
- ❖ Địa chỉ : 18A Cộng Hoà, phường 12, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- ❖ Điện thoại : (08) 3 8116 079 Fax : (08) 3 8116 526

Bản công bố thông tin

2. Tổ chức thực hiện đấu giá

- ❖ Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- ❖ Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
- ❖ Điện thoại : 08. 3915. 2930 Fax : 08. 3915. 2931
- ❖ Website : www.vise.com.vn

3. Tổ chức tư vấn

- ❖ Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- ❖ Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
- ❖ Điện thoại : 08. 3915. 2930 Fax : 08. 3915. 2931

IV. CÁC KHÁI NIỆM





- “Bản công bố thông tin” : là bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư tham khảo, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;
- “Vốn điều lệ” : là số vốn do tất cả cổ đông góp và cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của Công ty;
- “Cổ phần” : là phần vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- “Cổ phiếu” : là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty;
- “Cổ đông” : là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
- “Cổ tức” : là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

Bản công bố thông tin

“Năm tài chính”	: là năm mười hai tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
“Xí nghiệp”	: là Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông;
“VIS”	: Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh
“HĐQT”	: Hội đồng Quản trị
“BKS”	: Ban kiểm soát
“VND”	: Việt Nam đồng
“Tổ chức tư vấn”	: Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
“BCTC”	: Báo cáo tài chính
“CTCP”	: Công ty cổ phần
“SXKD”	: Sản xuất kinh doanh
“TNHH”	: Trách nhiệm hữu hạn
“MTV”	: Một Thành Viên





V. CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Tên, địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa

-  Tên : Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông
-  Địa chỉ : 18A Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM.
-  Điện Thoại : 08.6296 2270 Fax : 08.6293 8927
-  Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông thuộc Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Kỹ Thuật Và Sản Xuất (TECAPRO):
- ❖ Xí Nghiệp Điện Tử Viễn Thông được thành lập theo quyết định số 76/HC-XN ngày 21/12/2000 của Giám đốc Công ty Ứng Dụng Kỹ Thuật Và Sản Xuất – TECAPRO;

Là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc:

CÔNG TY TNHH MTV ỨNG DỤNG KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT - TECAPRO

-  Địa chỉ trụ sở chính : 18A Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình.
-  Điện thoại : 08.3811 9306 – 08.6296 2270 Fax : 08.6293 8927
-  Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 0300520578 ngày 12 tháng 11 năm 2010, do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp.
-  Quyết định thành lập công ty nhà nước số: 543/QĐCP ngày 06/08/1993 của Bộ Quốc Phòng.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh linh kiện và thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, lắp đặt và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm cao su kỹ thuật, hàng mỹ nghệ, hóa thực phẩm, vật liệu xây dựng, vật liệu mới, vật liệu bảo quản vật tư;
- Dịch vụ kỹ thuật môi trường;
- Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, vận hành, huấn luyện và chuyển giao công nghệ các quá trình xử lý ô nhiễm nước thải, khí thải, chất thải rắn và xử lý nước cấp;
- Kinh doanh thiết bị ngành y tế;

Bản công bố thông tin

- Sản xuất kinh doanh nước uống có cồn và không có cồn;
- Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị và các hệ thống đồng bộ, nông lâm hải sản, thực phẩm chế biến phục vụ sản xuất của Công ty (trừ lâm sản, hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất kinh doanh thiết bị bưu chính;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế lắp đặt và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực bưu chính (gồm sản xuất lắp đặt các loại tổng đài điện thoại tự động kỹ thuật số có dung lượng từ 24 đến 512 số; thiết bị liên lạc chỉ huy, điện thoại đa hướng, giao ban xa, tổng đài phân phối cuộc gọi cho dịch vụ 108; hộp thư trả lời tự động (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình));
- Chuyển giao công nghệ khoa học - kỹ thuật phục vụ quốc phòng và kinh tế;
- Chế biến, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ và hóa dầu;
- Kinh doanh thiết bị ngành xăng dầu, đo lường;
- Xuất nhập khẩu hàng kim khí điện máy, phương tiện vận chuyển;
- Dịch vụ giao nhận vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế, dịch vụ kho vận;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, thông tin;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KVA.

3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

- Kinh doanh linh kiện và thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông;
- Dịch vụ kỹ thuật, nghiên cứu, lắp ráp, chuyển giao công nghệ.

4. Số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Số lao động dự kiến khi chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)
Sỹ quan	01
Quân nhân chuyên nghiệp	0
Công nhân viên quốc phòng	0
Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	15
Lao động hợp đồng có thời hạn	0

Bản công bố thông tin

Lao động hợp đồng mùa vụ	0
Lao động đang thử việc	0
Tổng	16

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Xí Nghiệp Điện Tử Viễn Thông

5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

Theo Quyết định số 1031/QĐ-BQP ngày 29/3/2011 của Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **4.380.688.270** đồng
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **3.742.026.758** đồng

Nội dung cụ thể theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp như sau:

Stt	Tên tài sản	Giá trị sổ sách	Giá trị thực tế	Chênh lệch
		1	2	3=2-1
A	Tài sản đang dùng (I+II+III)	4.107.994.959	4.244.362.756	136.367.797
I	TSCĐ & Đầu tư dài hạn	2.157.470.917	2.238.734.554	81.263.637
1	Tài sản cố định hữu hình	2.157.470.917	2.238.734.554	81.263.637
2	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3	Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
II	TSLĐ & Đầu tư ngắn hạn	1.950.524.042	2.005.628.202	55.104.160
1	Tiền	99.153.271	99.153.271	-
2	Các khoản phải thu	1.369.941.193	1.369.941.193	-
3	Vật tư hàng hóa tồn kho	158.991.109	214.095.269	55.104.160
4	Tài sản lưu động khác	322.438.469	322.438.469	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-

Bản công bố thông tin

Stt	Tên tài sản	Giá trị sổ sách	Giá trị thực tế	Chênh lệch
B	Tài sản không cần dùng và tài sản chờ thanh lý	136.325.514	136.325.514	-
C	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
	Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp(A+B+C+D)	4.244.320.473	4.380.688.270	136.367.797
	Trong đó:			
	Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp (Mục A)	4.107.994.959	4.244.362.756	136.367.797
E1	Nợ thực tế phải trả	502.335.998	502.335.998	-
E2	Số dư quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
E3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-	-
	Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (A-(E1+E2+E3))	3.605.658.961	3.742.026.758	136.367.797

6. Tình hình tài sản của doanh nghiệp

✓ **Đất đai**

Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông hiện đang sử dụng khu đất sau:

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Dự kiến khi chuyển sang công ty cổ phần
1	Số 18 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP HCM	4.213	Chưa có QĐ giao đất hoặc cho thuê đất của Bộ Quốc Phòng	Xin thuê đất của Bộ Quốc phòng

Bản công bố thông tin

Xí Nghiệp hiện đang sử dụng khu đất trên làm trụ sở chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên khu đất trên là đất quốc phòng, được Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Kỹ Thuật Và Sản Xuất (TECAPRO) giao tạm thời cho Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông sử dụng theo Quyết định số 779/QĐ ngày 28/12/2000 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Kỹ Thuật Và Sản Xuất. Đến thời điểm này chưa có QĐ giao đất hoặc cho thuê đất của Bộ Quốc Phòng cho Xí Nghiệp sử dụng khi chuyển thành công ty cổ phần. Trong Hồ sơ Xác định giá trị Doanh nghiệp khu đất trên không được đưa vào để xác định giá trị doanh nghiệp.

✓ Nhà cửa, vật kiến trúc

BẢNG KÊ NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC CÒN SỬ DỤNG

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng 18A Cộng Hòa (nhà cấp 4)	456.761.922	216.961.944	239.799.978
2	Nhà showroom TOCA	126.616.217	46.425.984	80.190.233
3	Nhà xưởng 18A Cộng Hòa (nhà cấp 4)	146.089.919	54.783.720	91.306.199
4	Nhà văn phòng - sản xuất TOCA (mới)	1.489.426.000	139.013.084	1.350.412.916
5	Sân vườn TOCA	348.807.698	104.642.316	244.165.382
	Cộng:	2.567.701.756	561.827.048	2.005.874.708

Nguồn: Bảng xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

BẢNG KÊ NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC KHÔNG CÒN DÙNG

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng 240 bis Pasteur	24.185.174	24.185.174	-
	Cộng:	24.185.174	24.185.174	-

Nguồn: Bảng xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

✓ **Máy móc thiết bị**

BẢNG KÊ MÁY MÓC THIẾT BỊ CÓ GIÁ TRỊ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Máy lạnh TOSHIBA 2 cục	4	52.600.000	52.600.000	-
2	Máy lạnh TOSHIBA 2 cục	2	26.000.000	26.000.000	-
3	Hệ thống hút chì hơi	1	50.400.000	23.520.000	26.880.000
4	Tủ rung xóc	1	115.500.000	53.900.000	61.600.000
5	Đường cáp treo hạ thế 560KVA	1	21.378.195	14.430.312	6.947.883
6	Máy tính xách tay IBM THINKPAQ	1	26.710.000	17.361.513	9.348.487
7	Máy tính xách tay TOSHIBA	1	21.066.667	21.066.667	-
8	Máy tính xách tay TOSHIBA	1	32.867.000	32.867.000	-
9	Máy tính xách tay IBM	1	10.971.188	6.582.708	4.388.480

Bản công bố thông tin

Stt	Tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
	T30				
10	Máy tính xách tay IBM T41	1	46.158.430	46.158.430	-
11	Máy tính xách tay IBM X41	1	40.600.000	40.600.000	-
12	Máy tính xách tay Dell Vostro	1	14.912.250	9.113.042	5.799.208
13	Máy tính xách tay Dell Latitude F6400	1	19.000.000	3.694.444	15.305.556
14	Máy tính xách tay HP G62T/i3	1	11.818.182	984.849	10.833.333
15	Máy tính xách tay Lenovo U330	1	11.460.000	955.000	10.505.000
	Tổng cộng		501.441.912	349.833.965	151.607.947

Nguồn: Bảng xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

BẢNG KÊ MÁY MÓC THIẾT BỊ KHÔNG CÒN DÙNG CHỜ THANH LÝ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Máy vi tính 586	12	72.000.000	72.000.000	-
2	Máy tính xách tay Compaq	1	23.472.000	23.472.000	-
3	Máy Osilo	1	15.000.000	15.000.000	-
4	Máy lạnh 1 cục LG	5	25.714.285	25.714.285	

Bản công bố thông tin

Stt	Tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
					-
5	Hệ thống hút chì	1	17.000.000	17.000.000	-
6	Mạch mô phỏng CPU 16 bite	1	31.560.000	31.560.000	-
7	Máy tính xách tay IBM R50E	1	17.635.455	17.635.455	-
8	Máy tính xách tay M45-5351	1	26.235.000	26.235.000	-
9	Bộ màn sáo văn phòng	1	14.445.969	14.445.969	-
10	Máy tính server	1	15.530.000	15.530.000	-
	Tổng cộng		258.592.709	258.592.709	-

Nguồn: Bảng xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

- ✓ **Thiết bị truyền dẫn và phương tiện vận tải:** Không có
- ✓ **Hàng tồn kho**

BẢNG KÊ HÀNG TỒN KHO CÒN SỬ DỤNG

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tài sản	Số lượng	Theo sổ sách kế toán	Đánh giá lại
I	Nguyên vật liệu		-	-
II	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		158.991.108	158.991.108

Bản công bố thông tin

Stt	Tài sản	Số lượng	Theo sổ sách kế toán	Đánh giá lại
1	Card TB đài T24M1	2	15.000.000	15.000.000
2	Card CPU đài T24M1	1	11.500.000	11.500.000
3	Khởi Bảo an, đầu dây	1	2.200.000	2.200.000
4	Nguồn Switching	1	1.800.000	1.800.000
5	Card hiển thị ĐK	1	1.200.000	1.200.000
6	Khung vỏ máy T24M1	1	3.000.000	3.000.000
7	Khởi nguồn	1	4.000.000	4.000.000
8	Card thuê bao T64S	3	22.500.000	22.500.000
9	Card CPU T64S	5	35.000.000	35.000.000
10	Card trung kế EM	2	13.000.000	13.000.000
11	Card ĐKX	2	12.460.000	12.460.000
12	Card dây TB	5	9.250.000	9.250.000
13	Card dây CPU	5	9.250.000	9.250.000
14	Khung vỏ máy	2	16.000.000	16.000.000
15	Vỏ nhựa hộp taxi	67	1.340.000	1.340.000
16	Mặt mica	41	205.000	205.000
17	Mạch in Taxi	34	816.000	816.000
18	Dây nguồn, jack	15	470.108	470.108

Bản công bố thông tin

Stt	Tài sản	Số lượng	Theo sổ sách kế toán	Đánh giá lại
III	Thành phẩm		-	-
IV	Hàng hóa		-	-
V	Hàng gửi đi bán		-	-
Tổng cộng			158.991.108	158.991.108

Nguồn: Bảng xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

BẢNG KÊ HÀNG TỒN KHO KHÔNG CÒN SỬ DỤNG

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tài sản	Số lượng	Theo sổ sách kế toán	Đánh giá lại
1	Cân điện tử	125	136.325.514	136.325.514
Tổng cộng			136.325.514	136.325.514

Nguồn: Bảng xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

✓ Nợ phải thu

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Phải thu khách hàng	1.152.377.685	907.718.994	642.518.179
2	Trả trước cho người bán	5.377.632	1.020.632	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	918.761.766	67.373.137	215.503.508

Bản công bố thông tin

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
4	Phải thu khác	327.851.929	652.148.775	495.559.527
5	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
	Tổng cộng	2.404.369.012	1.628.261.538	1.353.581.214

Nguồn: BCTC năm 2008, 2009 và 2010 Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

✓ **Nợ phải trả**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Vay và nợ ngắn hạn	395.000.000	150.000.000	-
2	Phải trả người bán	831.097.597	422.779.819	264.291.137
3	Người mua trả tiền trước	344.484.125	349.883.625	-
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	58.742.742	16.410.335	20.579.182
5	Phải trả công nhân viên	-	-	-
6	Chi phí phải trả	28.431.711	14.024.241	1.617.366
7	Phải trả khác	2.578.219	7.185.438	-
8	Phải trả nội bộ	129.025.216	84.891.388	(8.723.300)
	Tổng cộng	1.789.359.610	1.045.174.846	277.764.385

Nguồn: BCTC năm 2008, 2009 và 2010 Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

Bản công bố thông tin

✓ Công cụ dụng cụ

BẢNG KÊ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Máy điều hòa 2HP (Nikko)	12	116.013.000	116.013.000	-
2	Bàn ghế làm việc	31	44.950.000	44.950.000	-
	Tổng cộng		160.963.000	160.963.000	-

Nguồn: Bảng xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

7. Danh sách công ty mẹ và công ty con



Công ty mẹ

Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc:

CÔNG TY TNHH MTV ỨNG DỤNG KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT - TECAPRO

Địa chỉ: 18A Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình

✓ Công ty con: Không có

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trước khi cổ phần hóa

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

8.1.1. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.

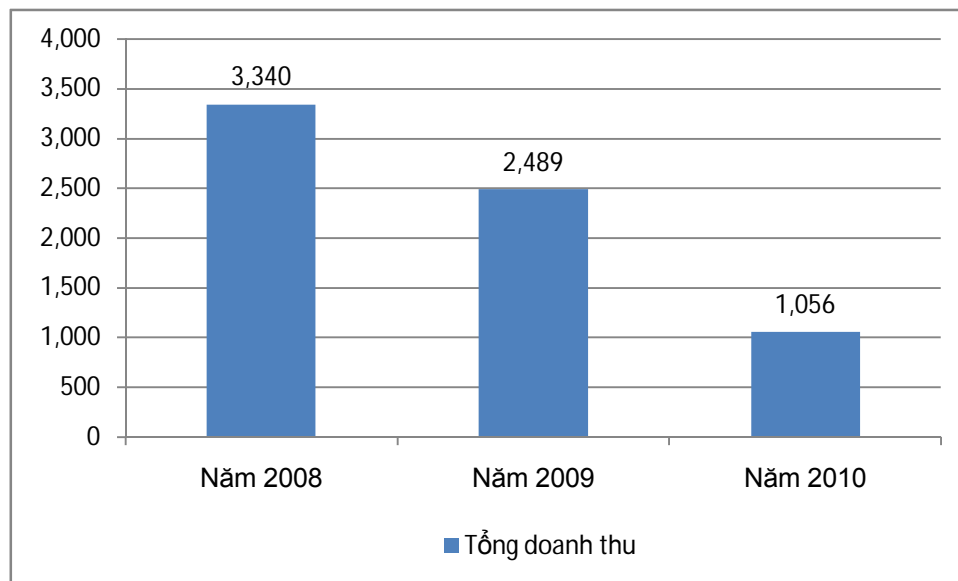
Cơ cấu doanh thu theo từng sản phẩm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu	3.340	100%	2.489	100%	1.056	100%
- Tổng đài	1.536	45,95%	1.096	44,03%	913	86,43%
- Card tổng đài	21	0,63%	717	28,80%	-	-
- Đồng hồ Taxi	1.056	31,62%	438	17,61%	68	6,42%
- Dịch vụ sửa chữa TB	726	21,75%	238	9,55%	74	7,00%
- Cân điện tử	1	0,05%	-	-	1	0,16%

Nguồn: BCTC năm 2008, 2009 và 2010 của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

BIỂU ĐỒ TỔNG DOANH THU THEO SẢN PHẨM TỪ NĂM 2008 - 2010



Nhận xét:

Doanh thu thuần của Xí nghiệp bị giảm qua các năm, từ khoảng 3.340 triệu đồng năm 2008 xuống còn 2.489 triệu đồng năm 2009 (giảm 25,48%), đến năm 2010 thì chỉ tiêu này chỉ còn 1.056 triệu đồng (giảm 47,57% so với năm 2009). Trong đó, tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Xí nghiệp đều giảm mạnh qua các năm. Cụ thể: doanh thu từ hoạt động sản xuất và tiêu thụ các tổng đài điện tử trong năm 2008 là 1.535 triệu đồng đến năm 2010 chỉ còn 912 triệu đồng, doanh thu sản xuất và tiêu thụ đồng hồ taxi giảm từ 1.056 triệu đồng xuống chỉ còn 68 triệu đồng năm 2010, các hoạt động kinh doanh khác cũng có sự giảm mạnh doanh thu qua các năm. Nguyên nhân chính cho sự giảm mạnh về doanh thu của Xí nghiệp như sau:

Trong 2 năm gần đây (năm 2009 và năm 2010), suy giảm kinh tế toàn cầu có ảnh hưởng mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp. Các khách hàng bên ngoài hạn chế ký hợp đồng với Đơn vị (Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông). Các hợp đồng thực hiện chủ yếu của Đơn vị do Công ty mẹ TECAPRO giao xuống. Điều này làm giảm đáng kể doanh thu của Đơn vị.

Các sản phẩm của Xí nghiệp chịu sự cạnh tranh gay gắt từ thị trường bên ngoài, trong khi đó, phần lớn máy móc thiết bị, trình độ công nghệ của Xí Nghiệp khá lạc hậu, sản xuất thủ

Bản công bố thông tin

công là chủ yếu, dẫn đến hạn chế lớn về mặt cạnh tranh với các loại sản phẩm ngoài thị trường.

8.1.2. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chủ yếu được mua tại các nhà cung cấp nhỏ lẻ, giá trị thấp, chủ yếu mua hàng dùng ngay tại Chợ Nhật Tảo, TP.HCM.

8.1.3. Chi phí sản xuất

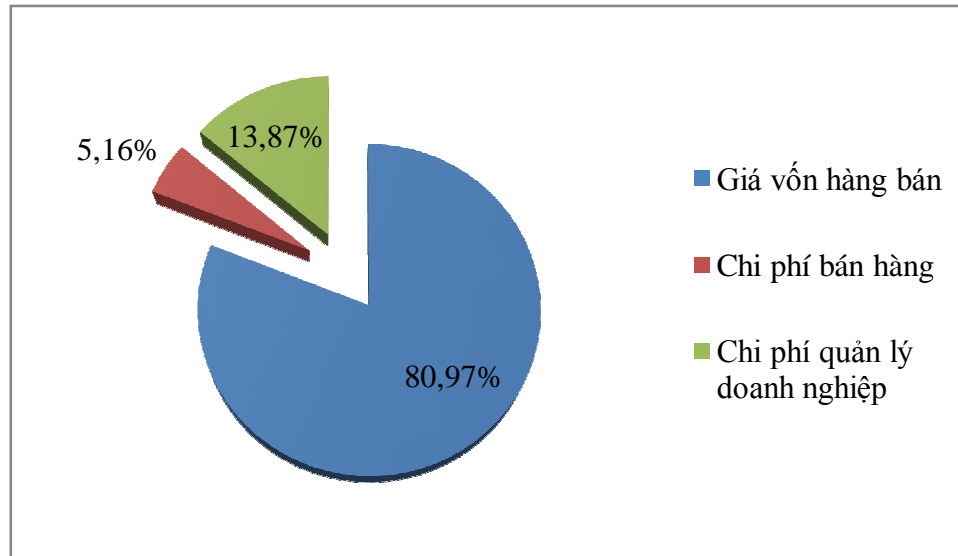
Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục chi phí	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	2.605	77,98%	2.121	86,9%	970	82,88%
<i>Trong đó:</i>						
- Chi phí NVL	1.390	41,59%	989	40,52%	508	43,43%
- Chi phí nhân công	869	26,00%	761	31,16%	208	17,75%
- Chi phí khác	346	10,35%	371	15,22%	254	21,69%
Chi phí bán hàng	186	5,57%	126	5,1%	54	5,16%
Chi phí quản lý DN	498	14,90%	194	7,9%	146	13,87%
Chi phí tài chính	20	0,60%	-	-	-	-
Chi phí khác	32	0,96%	-	-	-	-
Tổng cộng	3.341	100%	2.441	100%	1.170	100%

Nguồn: BCTC năm 2008, 2009 và 2010 của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

Ghi chú: Xí nghiệp không phân chia cụ thể giá vốn hàng bán, từng loại chi phí theo từng sản phẩm nên không có cơ sở tách giá vốn hàng bán theo từng loại sản phẩm.

CƠ CẤU CHI PHÍ NĂM 2010



Nhận xét:

Giá vốn hàng bán chiếm hầu hết chi phí của Xí nghiệp dao động trong khoảng từ 78,7% đến 86,9%, trong đó chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu. Trong 3 năm qua (từ năm 2008 đến năm 2010) do doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp giảm mạnh qua các năm nên các chi phí đầu vào của Xí nghiệp cũng giảm mạnh tương ứng.

8.1.4. Trình độ công nghệ

Hiện nay Xí nghiệp thực hiện sản xuất sản phẩm bằng tay là chủ yếu. Máy móc thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, lỗi thời.

8.1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhìn chung, Xí nghiệp chưa có kế hoạch cụ thể cho việc phát triển sản phẩm mới. Tuy nhiên, định hướng của Xí nghiệp sau khi cổ phần hóa là: bên cạnh việc ổn định sản xuất, kinh doanh ở các ngành nghề truyền thống, Xí nghiệp sẽ từng bước mở rộng hoạt động hợp tác sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mới. Đến thời điểm hiện tại, Xí nghiệp chưa có phương án hay kế hoạch cụ thể cho các hoạt động mở rộng này.

8.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đảm bảo chất lượng các sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

8.1.7. Hoạt động Marketing

Nhìn chung hoạt động Marketing của Xí nghiệp còn nhiều hạn chế. Xí nghiệp chưa có website, ít tham gia vào các chương trình quảng cáo, quảng bá thương hiệu. Tuy nhiên, do Xí nghiệp là đơn vị hoạt động lâu năm trong lĩnh vực điện tử viễn thông và là đơn vị trực thuộc Tecapro nên được những khách hàng quen thuộc biết đến.

8.1.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Kỹ Thuật Và Sản Xuất, nên Xí Nghiệp không có nhãn hiệu thương mại hay logo riêng mà sử dụng nhãn hiệu thương mại với Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Kỹ Thuật Và Sản Xuất - TECAPRO.

8.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Doanh thu thuần	3.340.102.624	2.489.143.765	1.056.081.370
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	3.459.722.977	3.554.086.708	3.741.984.475
3	Lợi nhuận trước thuế	28.812.058	48.411.079	4.404.658
4	Lợi nhuận sau thuế	20.744.682	36.308.309	3.303.494
5	Số lao động (người)	34	28	20
6	Thu nhập bình quân người/tháng	2.680.754	2.440.226	1.314.097
7	Các khoản thu nộp ngân sách	58.742.742	16.410.335	20.579.182
	<i>Trong đó:</i>			
	+ Thuế giá trị gia tăng	50.675.367	16.410.335	19.478.018
	+ Thuế TNDN	8.067.376	12.102.770	1.101.164
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	0,59%	1,02%	0,09%

Bản công bố thông tin

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
10	Nợ phải trả	1.789.359.610	1.045.174.846	277.764.385
11	Nợ phải thu	2.404.369.012	1.628.261.538	1.353.581.214

(BCTC năm 2008, 2009 và năm 2010 của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông)

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp trong năm báo cáo

8.3.1 Thuận lợi

- ✓ Xí nghiệp Điện tử viễn thông là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Ứng dụng kỹ thuật và sản xuất - TECAPRO; đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng. Xí nghiệp luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ TECAPRO trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng.
- ✓ Đội ngũ lãnh đạo có trình độ, năng lực và kinh nghiệm quản lý.

8.3.2 Khó khăn và thách thức

- ✓ Kết quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp trong 3 năm gần đây có xu hướng giảm mạnh. Khối lượng các hợp đồng có xu hướng giảm dần qua các năm. Đây là khó khăn và thách thức lớn đối với Xí nghiệp trong hiện tại và tương lai.
- ✓ Do vòng đời sản phẩm viễn thông (tổng đài viễn thông, card tổng đài) ngày càng ngắn dễ dẫn đến lạc hậu so với các sản phẩm mới, sản phẩm của Xí nghiệp chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong nước và các công ty nước ngoài với chất lượng vượt trội. Bên cạnh đó, máy móc thiết bị của Xí nghiệp khá lạc hậu, sản xuất còn mang tính thủ công, điều này làm Xí nghiệp đang mất dần ưu thế cạnh tranh trên thị trường. Đây cũng là một yếu tố chủ chốt khiến doanh thu, lợi nhuận của Xí nghiệp giảm sút rõ rệt trong năm qua.
- ✓ Nguồn vốn khá thấp gây khó khăn cho Xí nghiệp trong việc đổi mới công nghệ, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư phát triển sản phẩm mới để tăng doanh thu và lợi nhuận.

9. Vị thế của Xí nghiệp so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Điểm mạnh

- Là đơn vị có bề dày nghiên cứu sản xuất và thiết bị ĐTVT phục vụ quân sự và dân sự từ những năm 1990. Sản phẩm tổng đài do Xí nghiệp sản xuất đã có chỗ đứng trong thị trường quân sự và đã xuất khẩu qua một số nước như Lào, Campuchia.

Điểm yếu

- Nguồn vốn kinh doanh còn hạn chế.
- Hoạt động sản xuất cầm chừng, chủ yếu thực hiện theo hợp đồng công ty mẹ Tecapro giao xuống..
- Ít có hoạt động quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh của Xí nghiệp.

Cơ hội

- Thị trường thiết bị điện tử viễn thông luôn là thị trường đầy tiềm năng và mang lại nguồn thu lớn.

Khó khăn và thách thức

- Việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp sẽ gây áp lực không nhỏ lên Ban Lãnh đạo do phải thay đổi cách thức, lề lối làm việc cũ, tư duy quản trị Công ty theo hình thức Công ty cổ phần;
- Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, sự cạnh tranh diễn ra gay gắt, sự khác biệt về sản phẩm, dịch vụ không lớn, vòng đời của sản phẩm rất ngắn. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn sáng tạo, tìm ra cái mới, vì vậy phải xây dựng được văn hoá doanh nghiệp có bản sắc riêng, khuyến khích sự sáng tạo và cống hiến của người lao động.
- Những sản phẩm chính phục vụ quốc phòng an ninh trong thời gian qua được tiếp tục phát triển tại Công ty mẹ, do đó Công ty phải tổ chức nghiên cứu thiết kế những sản phẩm mới tập trung cho thị trường dân sự và trước mắt phải tổ chức kinh doanh có hiệu quả để lấy vốn đầu tư cho nghiên cứu phát triển.

10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

10.1. Một số thông tin chủ yếu của kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

❖ ***Mục tiêu phát triển SXKD.***

- Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao lợi nhuận.
- Nghiên cứu để mở rộng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh, duy trì đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- Thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước;

❖ ***Phương hướng phát triển giai đoạn 2010 – 2013***

– **Sắp xếp, bố trí lại mô hình tổ chức và hoạt động, nhân sự**

Trong lĩnh vực viễn thông, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt, yếu tố con người là chìa khóa quan trọng đưa đến thành công cho Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng yếu tố con người là tài sản quý giá nhất, Công ty luôn có những chính sách chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của cán bộ công nhân viên, thu hút nhân tài về làm việc tại Công ty như : thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách với người lao động theo quy định đồng thời có chế độ khen thưởng thích đáng đối với những cá nhân, tập thể có thành tích trong lao động, xây dựng môi trường làm việc gắn kết.

Công ty thực hiện chính sách trả lương thưởng theo doanh thu thị trường nhằm thu hút và tạo đội ngũ chuyên viên kỹ thuật trình độ cao có thể đáp ứng và đảm nhận được các dự án lớn, phức tạp trong tương lai. Vì vậy, điều này sẽ hạn chế mức tăng lợi nhuận của Công ty trong những năm đầu sau cổ phần hóa.

Tiếp tục chú trọng đầu tư khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động thông qua các khóa đào tạo kỹ thuật.

– **Giải pháp về quản lý chất lượng và nguyên liệu đầu vào**

❖ ***Quy trình quản lý chất lượng***

Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 -2008 đảm bảo chất lượng các sản phẩm cung cấp cho khách hàng. Xây dựng quy trình kinh doanh

Bản công bố thông tin

khép kín từ nghiên cứu sản phẩm, nhà cung cấp linh kiện, sản xuất sản phẩm, kiểm tra chất lượng, chú trọng công tác đào tạo cũng như các dịch vụ bảo hành, bảo trì sau bán hàng.

Với định hướng kinh doanh cung cấp các giải pháp, thiết bị điện tử viễn thông cho các doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức, ngoài việc nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên kỹ thuật, tập trung sản xuất hàng hóa theo đúng chỉ tiêu, chất lượng đã đăng ký.

❖ *Giải pháp về nguyên liệu*

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty đã và tiếp tục thiết lập quan hệ nhà cung cấp với các nhà cung cấp lâu năm có uy tín... nhằm đảm bảo luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất.

Nguồn cung cấp linh kiện cho sản xuất sản phẩm của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu, do đó, sự biến động tỷ giá hối đoái ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận kinh doanh của Công ty. Việc tạo được mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp, đảm bảo khả năng thanh toán, tăng độ tín nhiệm với các ngân hàng, tổ chức cung ứng ngoại tệ sẽ giúp Công ty có thể kéo dài thời gian thanh toán, có nguồn ngoại tệ đáp ứng nhu cầu thanh toán.

Việc chủ động từ nguồn vốn do cổ phần hoá cũng giúp Công ty hạn chế vay vốn từ ngân hàng, chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh.

– *Các giải pháp về công tác quản lý*

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh linh kiện và thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông. Nhu cầu về công nghệ và các giải pháp công nghệ ngày càng tăng, dựa trên cơ sở thương hiệu Công ty đã được khẳng định trên thị trường, sẽ đẩy mạnh công nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới và hoàn thiện sản phẩm truyền thống. Công ty tiếp tục phát huy nội lực và thế mạnh của mình trong lĩnh vực viễn thông, củng cố vị thế hiện có đồng thời mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh. Xây dựng tổ chức, lập kế hoạch rõ ràng bao gồm nghiên cứu thị trường, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch xây dựng quan hệ khách hàng, kế hoạch tiếp thị sản phẩm và kế hoạch triển khai cụ thể. Khi thực hiện các kế hoạch này, các bộ phận cần báo cáo tiến độ, tổng kết định kỳ trong từng giai đoạn phát triển.

**10.2. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 5 năm liền
kể sau khi cổ phần hóa**

Kế hoạch doanh thu lợi nhuận 5 năm sau cổ phần hóa

TT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn Điều lệ	Triệu đồng	7.350	7.350	7.350	10.000	10.000
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.750	5.500	8.500	17.000	22.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	825	1.210	1.870	5.100	6.600
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	619	908	1.403	3.825	4.950
5	Lợi nhuận sau thuế/vốn Điều lệ	%	8,42%	12,35%	19,08%	38%	49,50%
6	Các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	289	424	655	1.785	2.310
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	206	303	468	1.275	1.650
	- Thuế GTGT	Triệu đồng	83	121	187	510	660
7	Phân phối lợi nhuận sau thuế						
	<i>Trích các quỹ để lại</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>371</i>	<i>545</i>	<i>842</i>	<i>2.295</i>	<i>2.970</i>

Bản công bố thông tin

TT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	Quỹ dự phòng tài chính (10% LNST)	Triệu đồng	62	91	140	383	495
	Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	Triệu đồng	186	272	421	1.148	1.485
	Quỹ khen thưởng - phúc lợi (20% LNST)	Triệu đồng	124	182	281	765	990
	Lợi nhuận sau thuế giữ lại	Triệu đồng	248	363	561	1.530	1.980
8	Tỷ lệ trả cổ tức hàng năm	%	0%	0%	0%	15%	20%
9	Tổng số lao động	Người	20	25	30	35	40
10	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng/n người/tháng	5	6	7	8	9

Ghi chú:

- Về Vốn điều lệ: Tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tiếp tục tăng vốn điều lệ để phục vụ sản xuất nâng cao hiệu quả kinh doanh, phương án tăng vốn sẽ được trình Viện và báo cáo Bộ Quốc phòng và sau đó trình cụ thể lên Đại hội đồng cổ đông để phê duyệt trước khi thực hiện.
- Về Tỷ lệ trả cổ tức hàng năm: Sau khi cổ phần hóa, ba năm đầu hoạt động kinh doanh có thể gặp nhiều khó khăn, dẫn đến doanh thu, lợi nhuận không cao. Vì vậy, Công ty dự kiến không chia cổ tức trong ba năm đầu tiên sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa.

Bản công bố thông tin

- Về kế hoạch tổng số lao động: trước mắt để đảm bảo sản xuất Công ty duy trì số lượng nhân viên hiện đảm bảo hoàn thành các công việc hiện nay với Công ty mẹ Tecapro. Trong các năm tiếp theo, để phục vụ việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, Công ty cổ phần sẽ tuyển dụng thêm một số lao động có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm làm việc đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Thành tiền (VND)
Nhà nước (*)	51,02	375.000	3.750.000.000
Cán bộ CNV trong Công ty (chỉ tính số cổ phần được mua với giá ưu đãi theo quy định của Nhà nước)	3,83	28.200	282.000.000
Cổ đông chiến lược	20,41	150.000	1.500.000.000
Cổ đông khác (mua cổ phần thông qua đấu giá công khai)	24,74	181.800	1.818.000.000
Tổng	100	735.000	7.350.000.000

12. Các nhân tố rủi ro

12.1. Rủi ro về kinh tế

Theo Tổng Cục Thống Kê Việt Nam, những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định: năm 2006 đạt 8,2%, năm 2007 đạt 8,44%, năm 2008 và năm 2009 do chịu ảnh hưởng chung từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nên tốc độ tăng trưởng có phần giảm xuống lần lượt còn 6,2% năm 2008 và 5,23% năm 2009. Sang năm 2010, nền kinh tế Việt Nam cũng đã có những chuyển biến tích cực hơn so với năm 2009, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2010 đạt 6,78% cao hơn 0,3% so với kế

hoạch Quốc hội đề ra. Đây là dấu hiệu tích cực cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm tiếp theo.

Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cũng là chỉ tiêu rất quan trọng ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. So với thời điểm khủng hoảng kinh tế năm 2008, hai năm trở lại đây chỉ số giá tiêu dùng đã có sự chuyển biến rất tốt. Cụ thể, trong năm 2008 chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 22,97% (so với năm 2007), trong khi đó năm 2009 chỉ tăng 6,88% (so với năm 2008) và năm 2010 tăng 9,19% so với năm 2009. Chỉ số CPI hai năm gần nhất cho thấy những chuyển biến rất tích cực của nền kinh tế Việt Nam so với thời điểm khủng hoảng kinh tế 2008.

Riêng hai tháng đầu năm 2011, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến bất lợi: Ngân hàng nhà nước điều chỉnh tăng tỷ giá VND/USD 9,3% (ngày 11/02/2011), giá xăng tăng từ 16.400 đồng/lít lên 21.300 đồng/lít (xăng A92),.... Điều này gây nhiều quan ngại cho việc lạm phát tăng mạnh trong năm 2011.

12.2. Rủi ro về luật pháp

Khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần, hoạt động của Doanh Nghiệp chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về mặt chính sách là hoàn toàn có thể xảy ra và khi đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Doanh nghiệp.

12.3. Rủi ro đặc thù của Ngành

- Rủi ro nguồn nhân lực:

Rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn đối với những doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp luôn đòi hỏi một đội ngũ nhân lực có trình độ, năng lực và kinh nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu cạnh tranh của thị trường. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo con người để duy trì nguồn nhân lực có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao của Công ty.

- Rủi ro nguồn vốn :

Vấn đề nguồn vốn là một thử thách lớn đối với Công ty trong giai đoạn thị trường hiện nay. Để khắc phục khó khăn, thách thức này công ty luôn duy trì chính sách tài chính linh hoạt, minh bạch đồng thời xây dựng được uy tín của công ty đối với tổ chức tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn khi cần thiết.

- **Bản quyền:**

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ giai đoạn hiện nay việc quản lý bản quyền đối với các sản phẩm mới luôn đặt ra nhiều khó khăn đối với các nhà sản xuất. Các sản phẩm mới phát hành có thể bị sao chép, làm giả, ... gây ảnh hưởng đến uy tín và hiệu quả kinh doanh của các tổ chức phát hành. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng không hoàn toàn tránh khỏi những rủi ro đó. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bản quyền công ty đã tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý, cơ quan truyền thông để đăng ký bản quyền các sản phẩm mới nhằm hạn chế các rủi ro có thể xảy ra.

12.4. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu, mối quan hệ cung cầu phụ thuộc vào các yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Hiện nay, tình hình thị trường đang diễn biến rất xấu, thanh khoản rất thấp, cổ phiếu liên tục rớt giá, nhà đầu tư có tâm lý chán nản và không còn mặn mà với kênh đầu tư chứng khoán nữa. Vì vậy, có thể xảy ra khả năng không bán hết số lượng cổ phần chào bán đầu giá. Tuy nhiên, với mức giá khởi điểm chào bán hợp lý, Công ty tin tưởng vào sự thành công của đợt chào bán.

12.5. Rủi ro khác

Những rủi ro đó có thể xuất phát từ phía thiên nhiên (động đất, biến đổi khí hậu, ...), tai nạn (cháy, nổ,...). Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ, bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của tổ chức phát hành, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải. Tuy nhiên, các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

13.1. Phương thức bán

❖ Cổ phần được mua ưu đãi

Các đối tượng mua cổ phần bán lần đầu

1. Cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

Mua cổ phần theo giá ưu đãi (bằng 60% giá đấu bình quân thành công theo quy định tại Nghị định 109/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần): Số lượng cổ phần người lao động được mua với giá ưu đãi là 28.200 cổ phần tương ứng 4% vốn điều lệ (có danh sách kèm theo).

2. Tổ chức công đoàn

Theo biên bản họp Đại hội công nhân viên chức ngày 24 tháng 3 năm 2011, thống nhất thông qua bản phương án cổ phần hóa chuyển Xí nghiệp Điện tử viễn thông thành Công ty Cổ phần Viễn thông TECAPRO.

Quỹ tổ chức công đoàn tại Xí nghiệp bằng 0 nên số cổ phần tổ chức công đoàn mua là 0 cổ phần tương ứng 0% vốn điều lệ. Công đoàn Công ty đã có giấy cam kết không mua cổ phần ưu đãi (xem phụ lục kèm theo)

❖ Cổ đông chiến lược

a. Tiêu chuẩn về cổ đông chiến lược

Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp; chuyển giao công nghệ mới, cung ứng nguyên vật liệu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; gắn bó lâu dài với lợi ích của doanh nghiệp.

b. Danh sách cổ đông chiến lược được lựa chọn

Căn cứ quy định của Nhà nước về tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược, sau khi xem xét năng lực thực tế của một số doanh nghiệp có nhu cầu trở thành cổ đông chiến lược của Xí nghiệp Điện tử viễn thông sau khi cổ phần hóa, Xí nghiệp đề xuất lựa chọn doanh nghiệp sau tham gia làm cổ đông chiến lược của Công ty cổ phần:

Danh sách cổ đông chiến lược

Cổ đông	Tên viết tắt	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Thành tiền (VND) (tạm tính theo giá khởi điểm)	Địa chỉ
Công ty TNHH Viễn Tân	Nextcom Việt Nam	20,4	150.000	1.500.000.000	986/9/7 Cách Mạng Tháng Tám, P.5, Q.Tân Bình, TP. HCM

Công ty cổ TNHH Viễn Tân là Công ty (<http://www.nextfms.vn/>) là Công ty có năng lực khoa học công nghệ, là Công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực phát triển sản phẩm định vị phương tiện và có năng lực tài chính, thị trường ổn định, Công ty đã hợp tác và cùng hoạt động kinh doanh với Công ty Tecapro trong nhiều năm. Vì vậy, Công ty TNHH Viễn Tân đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn cổ đông chiến lược đã được đưa ra.

❖ **Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài**

Chi nhánh thực hiện việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng theo Quyết định số 1686/QĐ-BQP ngày 19/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa. Nội dung cụ thể như sau:

- Số cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài dự kiến là : 181.800 cổ phần; bằng 24,74% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.
- Hình thức chào bán: bán đấu giá công khai
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần

13.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

❖ **Đối với cổ phần bán ưu đãi cho người lao động**

Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa sẽ quy định cụ thể về phương thức và thời hạn thanh toán đối với việc chào bán cổ phần ưu đãi cho người lao động.

Bản công bố thông tin

❖ Đối với cổ phần bán ưu đãi cho nhà đầu tư chiến lược

Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa sẽ quy định cụ thể về phương thức và thời hạn thanh toán đối với việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

❖ Đối với cổ phần chào bán ra công chúng

Theo Quy chế bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông.

14. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa.

Toàn bộ số tiền thu được từ cổ phần hóa sẽ được Xí nghiệp sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

15. Những người chịu trách nhiệm chính đối với bản công bố thông tin

15.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Đại tá Đỗ Trọng, | Phó cục trưởng Cục Kinh tế - Trưởng ban |
| 2. Đại tá Đỗ Văn Tư, | Phó trưởng phòng tổ chức lao động tiền lương/Cục kinh tế: Ủy viên thường trực |
| 3. Đại tá Lê Xuân Sơn, | Phó Chi cục trưởng Chi cục Tài Chính doanh nghiệp - Cục tài chính: Ủy viên |
| 4. Đại tá Trần Tân, | Cán bộ Phòng Bảo đảm Tổng hợp/Văn phòng Bộ Quốc Phòng: Ủy viên |
| 5. Đại tá Bùi Hoàng Hiệp, | Cán bộ phòng kế hoạch Tổ Chức/Cục Quân Lực: Ủy viên |
| 6. Trung tá Đặng Quang Tuyên, | Cán bộ Phòng Nhân Sự/Cục Cán bộ: Ủy Viên |
| 7. Đại tá Nguyễn Minh Tuấn, | Trưởng phòng Tham Mưu Kế Hoạch /Viện Khoa học và Công Nghệ Quân sự: Ủy viên. |
| 8. Đại tá Lê Việt, | Giám đốc Công ty Ứng Dụng Kỹ Thuật Và Sản Xuất: Ủy viên. |

Bản công bố thông tin này do doanh nghiệp cổ phần hóa và tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua nội dung.

15.2. Tổ chức phát hành

XÍ NGHIỆP ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

Ông: Nguyễn Mạnh Quân Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần

15.3. Tổ chức tư vấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM (VISecurities) –
CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ông: Võ Thiên Chương Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán

VI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông cung cấp theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư cần tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Xí nghiệp Điện Tử Viễn Thông.

ĐẠI DIỆN	ĐẠI DIỆN
CHI NHÁNH CTCP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI TP. HCM GIÁM ĐỐC VÕ THIÊN CHƯỜNG <i>TP. HCM, ngày 24 tháng 05 năm 2011</i>	XÍ NGHIỆP ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN MẠNH QUÂN <i>TP. HCM, ngày 24 tháng 05 năm 2011</i>